TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CP** **TỈNH AG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:157/2023/DS-ST
Ngày 07 tháng 7 năm 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng V.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng T.

2. Ông Lê Cao T.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên H – Thư ký Toà án nhân dân huyện CP.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim T – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 258/2023/QĐXXST–DS ngày 24 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* BàTrần Thị T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ 05, ấp MP, xã MP, huyện CP, AG. (có mặt)

- *Bị đơn:*

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1975 (vắng mặt)

+ Ông Võ Văn U, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 14, khóm Vĩnh An, thị trấn V TT, huyện CP, tỉnh AG.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các biên bản làm việc và tại phiên tòa xét xử bà Trần Thị T trình bày:

- Vào năm 2015 bà T có bán thức ăn nuôi heo cho vợ chồng bà D và ông U, với phương thức thanh toán mua trước trả sau, thỏa thuận trả đủ tiền khi bán heo. Tổng số tiền mà bà bán cho vợ chồng bà D và ông U là 62.390.000đ. Ngày 28/12/2015 thì bà D và ông U trả cho bà T 10.000.000đ, ngày 30/01/2016 trả 10.000.000đ, từ năm 2017 đến năm 2018 trả được 5.000.000đ, tổng số nợ còn lại là 37.390.000đ.

+ Bà T yêu cầu vợ chồng bà D và ông U có nghĩa vụ trả trả cho bà T số tiền 37.390.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không gửi bản tự khai và ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

-Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà D và ông U có nghĩa vụ trả số tiền 37.390.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

-Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 48, 49, 51, 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Về nội D: Bà T khởi kiện yêu cầu ông U, bà D có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 37.390.000đ tiền mua thức ăn chăm nuôi heo. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà T là biên bản hòa giải tại khóm Vĩnh An, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, CP ngày 06/7/2019. Xét thấy: Chứng cứ thể hiện có việc giao kết hợp đồng mua bán giữa bà T và bà D giữa các bên đã thống nhất số nợ còn lại 37.390.000đ, việc mua thức ăn chăn nuôi heo nhằm để phục vụ kinh tế gia đình, nên ông U là chồng bà D buộc phải biết và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn nên phải có trách nhiệm liên đới cùng bà D trả nợ cho bà T, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Thoa khởi kiện bà D, ông U yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ từ hợp đồng mua bán, bà D và ông U cư trú tại huyện CP nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện CP giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị D, ông Võ Văn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội D vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Nguyên đơn bà T yêu cầu khởi kiện buộc bà D, ông U phải trả cho bà số tiền 37.390.000đ tiền nợ mua thức ăn nuôi chăn nuôi heo và không yêu cầu tính lãi. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và gửi đến bị đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của nguyên đơn và căn cứ vào biên bản hòa giải tại khóm Vĩnh An, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, CP ngày 06/7/2019 bà D có thừa nhận "*còn thiếu tiền mua thức ăn của bà T là 37.390.000đ do hoàn cảnh khó khăn bà xin trả bà T mỗi tháng 1.000.000đ"*. Do đó, HDXX có đủ cơ sở xác định giữa bà Thoa và bà D có xác lập hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo. Hợp đồng này được giao kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên, nội D và hình thức phù hợp quy định tại Điều 430 Bộ Luật dân sự, nên đây là hợp đồng hợp pháp và phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo đó, bà T đã thực hiện đúng nghĩa vụ của người bán là giao thức ăn chăn nuôi heo cho bà D, nhưng bà D không thực hiện đúng nghĩa vụ của người mua. Nên bà T khởi kiện yêu cầu bà D phải thanh toán tiền mua tài sản còn thiếu là 37.390.000đ có cơ sở chấp nhận phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 440 BLDS.

HĐXX buộc bà D phải thanh toán số tiền 37.390.000đ cho bà Thoa

[2.2] Về trách nhiệm liên đới trả nợ của ông U với bà D theo yêu cầu của bà Thoa: Tuy trong biên bản hòa giải ngày 6/7/2019 chỉ có bà D tham gia và thừa nhận nợ tại buổi hòa giải tại khóm Vĩnh An, thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, CP. Nhưng HĐXX thấy rằng việc chăn nuôi heo là công việc chung của gia đình bà D và ông U và Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định

pháp luật nhưng ông U không có ý kiến phản đối nên thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thoa, buộc ông U phải liên đới với bà D phải trả tiền nợ cho bà T số tiền là số tiền 37.390.000đ.

[2.3] Về án phí:

Do yêu cầu được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông U, bà D phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bàTrần Thị T,

Buộc bà Nguyễn Thị D, ông Võ Văn U phải liên đới trả cho bàTrần Thị T số tiền 37.390.000đ (ba mươi bảy triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/ năm quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị D, ông Võ Văn U phải liên đới chịu 1.870.000đ (một triệu tám trăm bảy chục nghìn đồng).

BàTrần Thị T, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 935.000đ (chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005334 ngày 06/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: BàTrần Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị D, ông Võ Văn U vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG;
- VKSND CP;
- Chi cục THADS CP ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng V